

Phát huy lợi thế dân số vàng, chủ động thích ứng với già hóa dân số theo tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng

Đặng Thị Ánh Tuyết*, Nguyễn Thị Thùy Nhung**

Nhận ngày 4 tháng 10 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 11 năm 2021.

Tóm tắt: Dân số luôn được xác định là một lĩnh vực quan trọng, vừa cấp thiết, vừa lâu dài đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Nhiều nghiên cứu đã đưa ra gợi ý rằng, Việt Nam cần chú trọng tận dụng tối đa tiềm năng dân số, khắc phục những hạn chế, ứng phó với những tác động không thuận lợi của biến động nhân khẩu học - điều này đặc biệt quan trọng trong xây dựng chính sách và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Nước ta đang trong thời kỳ dân số vàng, tuy nhiên, mới chỉ “vàng” về mặt số lượng của dân số; bên cạnh đó, già hóa dân số đang diễn ra với tốc độ rất nhanh là một thách thức lớn về gánh nặng an sinh xã hội cho người già. Vì vậy, cần phải giải quyết vấn đề này và phát huy lợi thế dân số vàng, thích ứng với quá trình già hóa dân số là trọng tâm được đề cập trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Từ khóa: Dân số, dân số vàng, già hóa dân số.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Population has always been identified as an important, urgent and long-term field for the socio-economic development of our country. Many studies have suggested that Vietnam needs to focus on making the most of its population potential, overcoming its limitations, and responding to the unfavourable effects of demographic changes - this is especially important in formulating policies and strategies for socio-economic development. Our country is in the period of demographic, however, it is only “golden” in regard of population quantity; Besides, population aging is taking place at a very fast rate, which is a big challenge in terms of social security burden for the elderly. Therefore, it is necessary to solve this problem and promote the advantage of demographic, adapting to the population aging process as the focus mentioned in the Document of the 13th National Party Congress.

Keywords: Population, demographic, aging population.

Subject classification: Sociology

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

** Học viện Chính trị khu vực II.

Email: tuyetxahoihoc@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, với Quyết định 216/CP ngày 26 tháng 12 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ về việc “sinh đẻ có hướng dẫn”, Việt Nam đã chính thức đặt “nền móng” về công tác dân số. Từ đó đến nay, công tác dân số của nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc trao giải thưởng về dân số vào năm 2005 khi chúng ta đạt thành tựu về mức sinh, đưa số con trung bình từ khoảng 6 con xuống 2,1 trên một bà mẹ vào cùng thời điểm; chất lượng dân số được nâng cao cả về tuổi thọ, chiều cao, cân nặng và trình độ học vấn. Năm 2007, nước ta bước vào thời kỳ cơ cấu “dân số vàng”, duy trì và đạt được mức sinh thay thế, liên tục giữ vững tổng tỷ suất sinh ở mức dưới 2,1 con hơn 15 năm qua, tỷ lệ tăng dân số bình quân trong giai đoạn 2009 - 2019 là 1,44%/năm (TH, 2019); chỉ số phát triển con người (HDI) đã được xếp vào nhóm các nước phát triển cao, đạt 0,704 (2019) và xếp thứ 117/189 quốc gia và vùng lãnh thổ (Đoàn Dân, 2020)...

Trong thời kỳ mới, song song với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã trải qua thời kỳ quá độ dân số với những biến đổi mạnh mẽ về mức sinh, mức chết, cũng như về cơ cấu, quy mô và phân bố dân số. Trong đó, “dân số vàng” và “già hóa dân số đang diễn ra rất nhanh” là hai vấn đề biến động lớn nhất hiện nay, làm thế nào để phát huy lợi thế dân số vàng - tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, từ đó, chuẩn bị đủ nguồn lực chủ động thích ứng với già hóa dân số là những câu hỏi lớn, cần được trả lời bằng những giải pháp cụ thể trong lĩnh vực dân số hiện nay.

2. Phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng trong bối cảnh hiện nay

Việt Nam có lợi thế khi tỷ trọng người trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 69% trong tổng dân số (Mai Xuân Phương, 2019). Kỷ nguyên này bắt đầu từ năm 2007, với tỷ lệ 67,31% (so với năm 1979 là 53%) (Nguyễn Văn Tân, 2018), trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ từ sơ cấp trở lên năm 2020 là 24,1%, cao hơn 1,3 điểm phần trăm so với năm 2019 (Tổng cục Thống kê, UNFPA, 2016, tr.3). Các nghiên cứu về lao động việc làm đều chỉ ra sự cần thiết phải “nắm lấy thời cơ”, vì đây là cơ hội “đặc biệt” để tăng năng suất lao động, cơ hội này chỉ xảy ra một lần trong lịch sử phát triển của các quốc gia, theo quy luật của chuyển đổi nhân khẩu học, cơ hội này sẽ không quay trở lại, nếu có phải ít nhất 100 - 200 năm sau.

Cần phát huy lợi thế về “dân số vàng”, vì “chất lượng dân số” chưa xứng với tầm vóc quy mô của nó. Dân số cũng chính là nguồn nhân lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Mặc dù con số thống kê hàng năm đều chứng minh sự tăng tuyến tính cả số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, tuy nhiên, nếu so sánh với tổng số lực lượng trong độ tuổi lao động thì chất lượng lao động nước ta thấp.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ mặc dù đã có sự gia tăng nhưng vẫn còn rất thấp, mới chỉ đạt trên 23,68% (V. Duẩn, 2020). Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo các nhóm nghề, nhất là lao động giản đơn được nhìn nhận khá chậm, từ 39% (2009) xuống còn 36% năm 2018, trong 10 năm nhưng chỉ giảm được 3%, trong suốt một thời gian dài,

nền kinh tế gần như vẫn giữ nguyên cơ cấu sử dụng lao động giá rẻ (Dương Nhật, 2019). Lao động chủ yếu đang làm việc trong các ngành nghề trình độ công nghệ thấp, nhóm ngành sử dụng công nghệ cao mới đạt khoảng 20%, thấp hơn rất nhiều nếu so sánh với Singapore (73%), Malaysia (51%), Thái Lan (51%) (Nguyễn Quỳnh Hoa, Thanh Huyền, 2017). Chỉ số kinh tế tri thức (KEI) của Việt Nam vẫn thuộc nhóm trung bình kém, so sánh với những nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam năm 2012 mới chỉ đạt 3,4 điểm, đứng dưới Singapore (8,26 điểm), Malaysia (6,10 điểm), Thái Lan (5,21 điểm), Philippines (3,94 điểm) (Nguyễn Phương Linh, 2015). Vì vậy, một nghịch lý đang tồn tại “người có bằng cấp càng cao thì nguy cơ thất nghiệp càng lớn, ngược lại, người không có bằng cấp lại có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất”. Số liệu cũng cho thấy, có hơn 72 nghìn người đã được đào tạo cử nhân, thạc sĩ đang thất nghiệp (Phan Hương, Công Điền, 2019), việc “cất bằng đại học làm công nhân” vẫn đang tồn tại, đó là câu hỏi đầy trăn trở giữa vấn đề cung và cầu của thị trường lao động nước ta hiện nay.

Hệ quả, năng suất lao động của Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2020 tăng 5,8%/năm, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (4,3%) (M.P, 2021), nhưng mức tăng vẫn rất thấp so với các nước trong khu vực: chỉ bằng 8,4% mức năng suất của Singapore; 23,1% của Malaysia; 41,5% của Thái Lan; 55,5% của Indonesia và 62,8% của Philippines; chỉ cao hơn Campuchia. Kết quả, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người cũng rất thấp, khi so sánh 23 năm đầu thực hiện công nghiệp hóa của một số nền kinh tế Đông Á (1950 - 1973) với quá trình phát triển của Việt Nam từ năm 1991 (mốc thời gian Việt Nam ra khỏi khủng hoảng để tiến hành công nghiệp hóa) đến nay thì thấy rằng, chúng ta còn thua kém khá xa. Trong khoảng thời gian nêu trên, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của Nhật Bản là 9,29%, Hồng Kông là 8,13%, Đài Loan là 9,81%, Hàn Quốc là 8,13% và của Singapore là 7,93% (Nguyễn Mai, 2017); sau 35 năm Đổi mới, Việt Nam tuy có rất nhiều thành tựu nhưng vẫn trong nhóm thu nhập trung bình thấp của thế giới, GDP bình quân đầu người năm 2020 khoảng 2.750 USD (Nguyễn Minh Phong, Nguyễn Trần Minh Trí, 2021). Theo bộ tiêu chí Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), tỷ lệ thất nghiệp của nước ta khá thấp, năm 2020 là 2,48%, nhưng điểm nghẽn nằm ở chất lượng lao động là vấn đề thách thức lớn với nền kinh tế (Tổng cục Thống kê, 2021), cho nên, về mặt chất lượng Việt Nam chưa tận dụng được cơ hội dân số vàng.

Thời kỳ cơ cấu “dân số vàng” sẽ kết thúc sớm, năm 2007, Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ dân số vàng nhưng đến năm 2011 đã bước vào già hóa dân số, hai vấn đề này diễn ra gần như song hành. Theo quy luật biến đổi nhân khẩu học, khi kết thúc thời kỳ “dân số vàng” sẽ bước vào giai đoạn “dân số già”, chính vì vậy, chúng ta phải tận dụng lợi thế trong giai đoạn “vàng” của dân số để chuẩn bị đầy đủ nguồn lực về kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu của quá trình phát triển khi bước sang thời kỳ dân số già. Hay nói cách khác, giữa dân số và phát triển có mối quan hệ biện chứng, con người là chủ thể sáng tạo ra mọi giá trị vật chất, tinh thần để phục vụ lại chính đời sống của mình. Các chỉ số về chất lượng lao động Việt Nam còn thấp, nếu không nâng cao chất lượng thì cơ hội của dân số vàng sẽ qua đi, chúng ta sẽ bỏ qua cơ hội để phát triển. “Phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng” để nâng cao chất lượng dân số, nâng cao năng suất lao động và chuẩn bị nguồn lực chủ động thích ứng với quá trình già hóa dân số, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội là vấn đề đặc biệt quan trọng, được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

3. Chủ động thích ứng với già hóa dân số

Theo Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNPFA), già hóa là một thành tựu của quá trình phát triển. Nâng cao tuổi thọ là một trong những thành tựu vĩ đại nhất của loài người. Con người sống lâu hơn nhờ các điều kiện tốt hơn về chế độ dinh dưỡng, vệ sinh, tiến bộ y học, chăm sóc y tế, giáo dục và đời sống kinh tế. Việt Nam cũng nằm trong xu hướng đó, khi tuổi thọ của người dân liên tục được cải thiện, năm 1999 là 68,6 tuổi, đến năm 2019 lên 73,6 tuổi. Theo số liệu thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, năm 2019 cả nước có khoảng 11,41 triệu người cao tuổi, chiếm khoảng 12% dân số (Tạp chí Tuyên giáo, 2020), đây là một trong những điểm nhấn thành công trong thực hiện chính sách dân số suốt bốn thập kỷ vừa qua.

Tốc độ già hóa có xu hướng tăng lên nhanh chóng cả về tỷ lệ và số lượng người cao tuổi, vì vậy, vấn đề “già hóa dân số” ở nước ta được đánh giá “có tốc độ gia tăng thuộc hàng cao nhất thế giới”. Chỉ số già hóa của dân số Việt Nam tăng mạnh trong 35 năm qua. Nếu như năm 1979, cứ 100 trẻ em dưới 15 tuổi chỉ có 16,6 người từ 60 tuổi trở lên, thì sau 20 năm (1999), chỉ số này đã tăng 1,5 lần và đến năm 2014, chỉ số này đã là 43,3, cao gấp gần 3 lần so với năm 1979 (Tổng cục Thống kê, UNFPA, 2016, tr.3).

Vì vậy, tỷ số phụ thuộc người già luôn có xu hướng tăng lên trong dân số từ 9,4% năm 1999 lên 11,41% năm 2019, tỷ trọng nhóm dân số già từ 65 tuổi trở lên cũng có xu hướng gia tăng, năm 1989 từ 4,7% tăng lên 7,7% năm 2019. Điều đáng nói hơn là, quá trình từ già hóa dân số đến dân số già của Việt Nam rất ngắn, khoảng 20 năm (Võ Kim Hương, 2015). So với các quốc gia có trình độ phát triển cao hơn, quá trình này kéo dài hàng trăm năm như: Thụy Điển là 85 năm, Pháp 115 năm, Nhật Bản 26 năm, Trung Quốc 26 năm. Dự báo, Việt Nam sẽ trở thành nước có dân số già vào năm 2038 với tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên đạt trên 20%. Đến năm 2049, tỷ lệ người cao tuổi sẽ chiếm khoảng 25% dân số, nghĩa là cứ bốn người dân có một người cao tuổi, Việt Nam sẽ có dân số siêu già (Lê Nga, 2019).

“Bước nhảy vọt” của tiến trình già hóa dân số sang dân số già đang tạo ra những áp lực trong tương lai đối với mô hình phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở nước ta. Đó là áp lực khi dân số trong độ tuổi lao động sẽ giảm xuống gây khủng hoảng nguồn nhân lực cho thị trường lao động; tăng nhanh tỷ lệ dân số phụ thuộc, gây áp lực với hệ thống y tế, lương hưu, hệ thống bảo trợ xã hội đối với chăm sóc cho người cao tuổi; tăng trưởng kinh tế chịu nhiều áp lực vì không thích ứng kịp bởi gánh nặng với các chương trình lưới an sinh xã hội phục vụ nhu cầu cho người cao tuổi, thách thức cho vấn đề đảm bảo đời sống tinh thần, giải quyết mâu thuẫn, xung đột thế hệ trong thời kỳ dân số già. Tiến trình già hóa dân số sang dân số già của nước ta đang được nhìn nhận vừa là thành tựu, đồng thời là thách thức trong điều kiện Việt Nam vẫn là nước có thu nhập trung bình thấp, điều này sẽ là rào cản cho thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Bức tranh về chất lượng cuộc sống của người cao tuổi ở nước ta cũng đặt ra nhiều thách thức ở cả ba cấp độ cá nhân, gia đình và xã hội. Tỷ lệ người cao tuổi có tích lũy vật chất và tiết kiệm không đáng kể; theo kết quả một khảo sát có tới 70% người cao tuổi Việt Nam sống ở nông thôn là nông dân và làm nông nghiệp (Kim Thanh, 2019); 60% người cao tuổi trong độ tuổi 60 - 69 đang tiếp tục làm việc (Trịnh Thị Thu Hiền, 2019); 70% người cao tuổi có khó khăn về vật chất: tỷ lệ người nghèo ở người cao tuổi là 23,5%; chỉ có khoảng

90% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế; khoảng 95% người cao tuổi có bệnh, chủ yếu là bệnh mãn tính không lây truyền, trung bình 1 người mắc 3 bệnh, 67,2% người có tình trạng sức khỏe yếu và rất yếu, vì vậy, tuổi thọ trung bình cao nhưng tuổi thọ khỏe mạnh thấp (64 tuổi); hiện cả nước mới có khoảng 39% người cao tuổi được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công và trợ cấp xã hội, còn tới 61% dân số cao tuổi sống dựa hoàn toàn vào kinh tế của chính mình (Trịnh Thị Thu Hiền, 2019).

Về sức khỏe và khuyết tật ở tuổi trên 60 chiếm tới 43,28%, họ gặp ít nhất một loại khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày tăng từ 28% ở người 60 - 69 tuổi lên hơn 50% ở người trên 80 tuổi. Trung bình số năm đau ốm là 7,3 năm (10% của tuổi thọ). Điều này phản ánh một thực tế là tuy sống thọ nhưng không đồng nghĩa với khỏe mạnh.

Hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cũng chưa đáp ứng được nhu cầu, hiện cả nước mới chỉ có bệnh viện Lão khoa trung ương, ở các tỉnh, mới chỉ khoảng 20% các bệnh viện tỉnh có khoa lão khoa (Mai Hương, 2019), ngành công tác xã hội với các loại hình dịch vụ chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi ở nước ta còn thiếu đồng bộ, số lượng bác sỹ, điều dưỡng học chuyên về ngành lão khoa còn thiếu, vì vậy công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng và chữa bệnh cho người cao tuổi cũng như khám tư vấn chuyên sâu tại cộng đồng chưa thực hiện tốt... Do đó, yêu cầu bức thiết đặt ra là phải xây dựng một hệ thống dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, giúp họ có thể sống khỏe mạnh và hạnh phúc.

Thực trạng nền kinh tế cũng cho thấy, kinh tế vĩ mô phát triển chưa vững chắc, trình độ phát triển của nền kinh tế thấp, thể hiện qua ba chỉ báo chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh hạn chế; tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn nhưng lãng phí, thất thoát lớn nên hiệu quả đầu tư còn thấp. Định vị nền kinh tế Việt Nam chỉ đang ở giai đoạn thứ 2 trong tiến trình công nghiệp hóa đã trải qua 5 giai đoạn của thế giới; nghĩa là, chỉ vừa vượt qua giai đoạn sơ khai “độc canh, nông nghiệp tự túc, phụ thuộc vào hỗ trợ”, bước vào giai đoạn công nghiệp hóa “sản xuất đơn giản dưới sự chỉ dẫn của nước ngoài”, “bẫy thu nhập trung bình” không còn là nguy cơ mà đã hiện hữu rõ với các chỉ báo về “tăng trưởng chậm lại, năng suất lao động kém và chuyển dịch cơ cấu ở Việt Nam chỉ mang tính hình thức” (Tư Hoàng, 2014). Càng đáng quan ngại hơn, trong báo cáo về mức độ sẵn sàng cho nền sản xuất trong tương lai, Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia chưa sẵn sàng cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chỉ xếp thứ 70/100 về nguồn nhân lực và 81/100 về lao động có chuyên môn cao (Báo Dân trí, 2018), “nguy cơ chưa giàu đã già” đang hiện hữu.

Trong bối cảnh mới, phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ cấu dân số vàng, tăng trưởng kinh tế và các vấn đề an sinh xã hội cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số là vấn đề trọng tâm của công tác dân số. Đó cũng là nội dung quan trọng được Đảng ta nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII: “Phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số; đồng thời, nâng cao chất lượng dân số gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr.151), nhấn mạnh vấn đề này một mặt khẳng định những thách thức lớn của vấn đề dân số đang đặt ra, mặt khác đã khẳng định sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng gắn với bối cảnh lịch sử của đất nước, vì dân số có xu hướng biến đổi “song hành” với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Hay nói cách khác, dân số chính là một biến quan trọng gắn liền với sự phát triển nhằm giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa dân số và phát triển.

4. Hàm ý chính sách phát huy lợi thế dân số vàng, chủ động thích ứng với già hóa dân số

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa hai vấn đề “dân số vàng” và chuẩn bị điều kiện “thích ứng với già hóa dân số” sẽ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của chiến lược dân số Việt Nam 2030, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thành công khát vọng đưa đất nước phát triển phồn thịnh, sánh vai cùng các cường quốc năm châu, góp phần hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2045. Xuất phát từ hiện trạng về những thời cơ cũng như thách thức trong giai đoạn phát huy lợi thế dân số vàng, vừa chủ động thích ứng với già hóa dân số, chúng tôi gợi ý một số hàm ý chính sách như sau:

Thứ nhất, phải duy trì ổn định mức sinh (Thanh Mai, 2021) (đảm bảo số con trung bình trên một bà mẹ 2,1 con), vì các nghiên cứu về dân số cho thấy, trong các chiều cạnh nhân khẩu học thì mức sinh là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định quy mô, cơ cấu của một dân số trong hiện tại và tương lai. Mức sinh cao so với mức chết sẽ dẫn đến quy mô dân số tăng quá nhanh, tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Trái lại, nếu mức sinh quá thấp sẽ dẫn đến nguy cơ già hóa dân số quá nhanh, thiếu hụt lực lượng lao động, gia tăng những vấn đề an sinh xã hội. Hệ lụy càng nghiêm trọng nếu già hóa dân số quá nhanh xảy ra với những quốc gia còn đang trong quá trình phát triển, năng suất lao động thấp như Việt Nam (Nguyễn Đức Vinh, 2020). Mức sinh thay thế ở Việt Nam được duy trì khá lâu, nhưng được coi là chưa “vững chắc”, có sự khác biệt và không ổn định giữa các vùng, miền, địa phương, vì vậy, duy trì vững chắc mức sinh thay thế là mục tiêu quan trọng hàng đầu nhằm góp phần kéo dài thời gian cơ cấu “dân số vàng”, làm chậm quá trình “già hóa dân số” bằng những giải pháp cụ thể, gắn với thực tiễn từng vùng, miền, địa phương để thực hiện thành công mục tiêu kép này.

Thứ hai, phát huy lợi thế dân số vàng phải đồng thời thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, đặc biệt, phải nâng cao chất lượng dân số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bằng giải pháp “nâng cao sức khỏe cho người dân cả về tâm vóc, thể chất, tinh thần, tuổi thọ cũng như chất lượng cuộc sống”, “thực hiện đồng bộ các cơ chế chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Nâng cao chất lượng gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động. Đổi mới căn bản giáo dục, đào tạo, đa dạng hóa các phương thức đào tạo theo mô hình giáo dục mở, gắn với thị trường và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.2, tr.128-136).

Thứ ba, thực hiện những chương trình, công trình nghiên cứu nhằm khảo sát số lượng và chất lượng cơ cấu nguồn lao động trong các ngành, nghề, trong từng địa phương, trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng và đề ra giải pháp phù hợp.

Thứ tư, phải thay đổi tư duy nhìn nhận người già gắn với “sự rút lui”, “ôm yếu, ở ẩn”, “phụ thuộc” vào gia đình và xã hội sang tư duy mới phát huy vai trò người cao tuổi để “khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội” (Đảng Cộng sản

Việt Nam, 2021, t.1, tr.271), vừa góp phần duy trì tuổi thọ khỏe mạnh vừa đóng góp nguồn lực phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh tuổi thọ ngày càng được cải thiện. Đặc biệt, với một quốc gia đang trong quá trình vượt lên “bẫy thu nhập trung bình” thì việc vừa khai thác lợi thế dân số vàng, vừa xây dựng chính sách thu hút người cao tuổi vào thị trường lao động là một chiến lược mang tính dài hơi và hiệu quả. Góp phần giải quyết vấn đề “khủng hoảng” của dân số già mà các nước đã và đang trải qua. Những người cao tuổi có khả năng lao động khuyến khích họ tham gia thị trường lao động theo khả năng, có các chính sách ưu đãi một cách hợp lý cho các doanh nghiệp để khuyến khích sử dụng người cao tuổi.

Thứ năm, rà soát tổng thể các chính sách xã hội dành cho người cao tuổi hiện nay, xây dựng mô hình các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi phù hợp “tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, đảm bảo 100% có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng cũng như cơ sở chăm sóc tập trung” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr.271) gắn với thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực trợ giúp xã hội, phát triển và đa dạng hóa các dịch vụ trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, nhằm giúp người già nói riêng và nhóm yếu thế trong xã hội nói chung đảm bảo cuộc sống về cả thể chất và tinh thần.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Tổng cục Thống kê, UNEPA (2016), *Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2014, cơ cấu tuổi, giới tính và một số vấn đề kinh tế xã hội ở Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
3. Nguyễn Đức Vinh (2020), *Các yếu tố xã hội nhằm duy trì mức sinh thay thế ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
4. Báo Dân trí (2018), *Thách thức nhân lực cho cách mạng 4.0*, <http://dantri.com.vn/viec-lam/thach-thuc-nhan-luc-cho-cach-mang-40-20180408074744375.htm>, truy cập ngày 15/07/2021.
5. Đoàn Dân (2020), *Chỉ số phát triển con người của Việt Nam tăng vượt bậc*, <https://nhandan.vn/binh-luan-phe-phan/chi-so-phat-trien-con-nguoi-cua-viet-nam-tang-vuot-bac-629395/>, truy cập ngày 15/07/2021.
6. V.Duẩn (2020), *Chất lượng lao động Việt Nam còn thấp*, <https://nld.com.vn/cong-doan/chat-luong-lao-dong-viet-nam-con-thap-20201220215943947.htm>, truy cập ngày 10/07/2021.
7. Nguyễn Quỳnh Hoa, Thanh Huyền (2017), *Cảnh báo từ chỉ số TFP*, <https://doanhnhansaigon.vn/van-de/canh-bao-tu-chi-so-tfp-1078601.html>, truy cập ngày 10/07/2021.
8. Trịnh Thị Thu Hiền (2019), *Xu thế già hóa dân số ở nước ta và vấn đề chăm sóc sức khỏe, sử dụng lao động người cao tuổi*, <https://tapchiconsan.org.vn/chuong-trinh-muc-tieu-y-te-dan-so-/2018/811402/xu-the-gia-hoa-dan-so-o-nuoc-ta-va-van-de-cham-soc-suc-khoe%2C-su-dung-lao-dong-nguoi-cao-tuoi.aspx>, truy cập ngày 10/07/2021.
9. Phan Hương, Công Điền (2019), *Tốt nghiệp đại học không có việc, cử nhân đi làm công nhân*, <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/tot-nghiep-dai-hoc-khong-co-viec-cu-nhan-di-lam-cong-nhan-20190325082002833.htm>, truy cập ngày 12/07/2021.

10. Mai Hường (2019), *Cả nước thiếu bệnh viện lão khoa*, <https://tuoitre.vn/ca-nuoc-thieu-benh-vien-lao-khoa-20190712101651442.htm>, truy cập ngày 12/07/2021.
11. Tư Hoàng (2014), *Chuyên gia Nhật: “Việt Nam đã rơi vào bẫy thu nhập trung bình”*, <http://www.thesaigontimes.vn/112459/Chuyen-gia-Nhat-Viet-Nam-da-ro-i-vao-bay-thu-nhap-trung-binh.html>, truy cập ngày 15/07/2021.
12. Võ Kim Hương (2015), *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách*, <http://ifgs.vass.gov.vn/Tin-hoat-dong/Gia-hoa-dan-so-va-nguoi-cao-tuoi-o-Viet-Nam--Thuc-trang--du-bao-va-mot-so-khuyen-nghi-chinh-sach-110615.html>, truy cập ngày 15/07/2021.
13. Nguyễn Phương Linh (2015), *Nền kinh tế Việt Nam dưới góc nhìn kinh tế tri thức*, <http://tapchitaichinh.vn/ngghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/nen-kinh-te-viet-nam-duoi-goc-nhin-kinh-te-tri-thuc-64923.html>, truy cập ngày 15/07/2021
14. Thanh Mai (2021), *Duy trì mức sinh thay thế đồng đều ở các vùng, miền*, <https://nhandan.vn/tin-tuc-xa-hoi/duy-tri-muc-sinh-thay-the-dong-deu-o-cac-vung-mien-636822/>, truy cập ngày 14/07/2021.
15. M.P (2021), *Việt Nam nỗ lực cải thiện năng suất lao động*, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/viet-nam-no-luc-cai-thien-nang-suat-lao-dong-579443.html>, truy cập ngày 15/07/2021.
16. Nguyễn Mai (2017), *Nhìn lại 30 năm đổi mới và hội nhập*, <http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=295780>, truy cập ngày 14/07/2021.
17. Lê Nga (2019), *Dân số Việt Nam bước vào giai đoạn rất già năm 2049*, <https://vnexpress.net/dan-so-viet-nam-buoc-vao-giai-doan-rat-gia-nam-2049-3955678.html>, truy cập ngày 14/07/2021.
18. Dương Nhật (2019), *Chất lượng lao động thấp, Việt Nam sẽ đánh mất cơ hội dân số vàng?*, <https://vneconomy.vn/chat-luong-lao-dong-thap-viet-nam-se-danh-mat-co-hoi-dan-so-vang.htm>, truy cập ngày 12/07/2021.
19. Nguyễn Minh Phong, Nguyễn Trần Minh Trí (2021), *Vị thế và cơ đồ kinh tế Việt Nam*, <https://nhandan.vn/nhan-dinh/vi-the-va-co-do-kinh-te-viet-nam-631311/>, truy cập ngày 12/07/2021.
20. Mai Xuân Phương (2019), *Phát huy lợi thế dân số vàng: một nhiệm vụ quan trọng cần triển khai sớm nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết 21-NQ/TW về công tác Dân số trong tình hình mới*, <http://tuyengiao.vn/dan-so-va-phat-trien/phat-huy-loi-the-dan-so-vang-mot-nhiem-vu-quan-trong-can-trien-khai-som-nham-thuc-hien-hieu-qua-nghi-quyet-21-nqtw-ve-122662>, truy cập ngày 12/07/2021.
21. Kim Thanh (2019), *Tốc độ già hóa dân số Việt Nam thuộc hàng cao nhất thế giới*, <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/toc-do-gia-hoa-dan-so-viet-nam-thuoc-hang-cao-nhat-the-gioi-511255.html>, truy cập ngày 12/07/2021.
22. Nguyễn Văn Tân (2018), *Tận dụng “cơ cấu dân số vàng” để phát triển đất nước*, <https://nhandan.vn/tin-tuc-y-te/tan-dung-co-cau-dan-so-vang-de-phat-trien-dat-nuoc-607013/>, truy cập ngày 18/07/2021.
23. Tổng cục Thống kê (2021), *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý IV và năm 2020*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2020/>, truy cập ngày 15/07/2021.
24. TH (2019), *Việt Nam duy trì vững chắc mức sinh thay thế*, <http://tuyengiao.vn/dan-so-va-phat-trien/viet-nam-duy-tri-vung-chac-muc-sinh-thay-the-125039>, truy cập ngày 15/07/2021.
25. Tạp chí Tuyên giáo (2020), *Người cao tuổi ở nông thôn cần quan tâm chăm sóc hơn cả về thể chất, tinh thần*, <https://tuyengiao.vn/dan-so-va-phat-trien/nguoi-cao-tuoi-o-nong-thon-can-quan-tam-cham-soc-hon-ca-ve-the-chat-tinh-than-131215>, truy cập ngày 18/07/2021.

